



HEATPUMP DÙNG CHO SẤY

HEATPUMP FOR DRYING



☎ 0906 631 316 - 0948 631 316
🌐 www.mimico.com.vn

»» Tiết kiệm năng lượng
»» Heatpump dùng để sấy:

- » Quần áo, trái cây
- » thuốc, dược liệu
- » Nông sản
- » thủy hải sản
- » Đất chứa kim loại

»» Power-savings:

»» Heatpump for drying:

- » Clothes, Fruits
- » Medicinal materials herbal medicine
- » Agricultural
- » Seafood
- » Soil containing heavy metals

Printing Dryer Máy Sấy Cho Nhà In

Mã hiệu sản phẩm Model No	Unit	MMC030-AHP-PR-5.5	MMC030-AHP-PR-7.5
Tốc độ cho phép Applicable Speed	m/min	100~200	200~300
Nhiệt độ không khí Sent Air Temp	°C	30~80	30~80
Lưu lượng gió Supply Air Volume	m³/h	3000~5000	4000~6000
Công suất danh định Rated Heating Capacity	kW	13	13
Công suất điện trở phụ trợ Auxiliary Electric Heater's Power	kW	24	36
Công suất quạt tuần hoàn Power of Circulating Fan Motor	kW	5,5	7,5
Áp suất tĩnh Supply Air Static Pressure	Pa	1800	2050
Kích thước (D*R*C) Product Size (W*D*H)	mm	1051×1000×1956	1051×1000×1956



Pepper Dryer Máy Sấy Tiêu

Mã hiệu sản phẩm Model No	Unit	MMC015-AHP-DRPP	MMC030-AHP-DRPP	MMC060-AHP-DRPP	MMC120-AHP-DRPP	MMC200-AHP-DRPP	MMC250-AHP-DRPP
Lượng nước thải Rated Dehydration	kg/h	2,5	7,5	18	30	50	60
Công suất danh định Rated Heating Capacity	kW	5,2	10,5	21	42	75,8	85
Công suất điện đầu vào Rated Power Input	kW	1,18	2,5	6,3	13	23,4	25
Dòng điện danh định Rated Current	A	4,9	10,2	11,8	22,8	39,5	43,9
Discharged Air Temp Nhiệt độ không khí xả thải	°C	30~55	30~55	30~55	30~55	30~55	30~55
Nguồn điện Power Supply	V/Ph/Hz	220V/1PH/50Hz	220V/1PH/50Hz	3HP/380V/50Hz	3HP/380V/50Hz	3HP/380V/50Hz	3HP/380V/50Hz
Nhiệt độ môi trường làm việc Working Ambient Temp	°C	10~43	10~43	10~43	10~43	10~43	10~43
Thương hiệu máy nén Compressor Brand		GMCC	GMCC	Copeland	Copeland	Invotech	Invotech
Số lượng máy nén Compressor Qty	set	1	1	1	2	2	3 Fixed Speed+1 Digital
Môi chất Refrigerant		R22	R22	R22	R22	3/R22+1/R134a	3/R22+1/R134a
Công suất quạt tuần hoàn Power of Circulating Fan Motor	kW	0,23	3.5# 0.55	4# 0.75*2	5# 1.1*2	6# 2.2*2	7# 2.2kW*2
Lưu lượng gió Supply Air Volume	m³/h	1800	4000	6500	16500	22000	25000
Áp suất tĩnh Supply Air Static Pressure	Pa	120	120	200	200	200	250
Cấp độ bảo vệ IP grade (Level of protection)		IPX0					
Độ ồn Noise	dB	≤56	≤58	≤60	≤64	≤68	≤70
Trọng lượng Weight	kg	50	120	350	430	560	620
Kích thước sản phẩm (D*R*C) Product Size (W*D*H)	mm	680×600×510	1180×900×680	1660×1240×845	1660×1470×1058	1822×1765×1282	2220×1845×1321
Kích thước thùng sấy Bucket Size	mm	φ740*900	/	/	/	/	/
Trọng lượng vật sấy Drying Materials Weight	kg	150	350	700~1500	2500~3200	4000~5000	5000~6000

Lưu ý / Notes:

Tất cả thông tin và số liệu có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

The above specifications are subject to change without prior notice for product improvement.



TRỤ SỞ - HEAD OFFICE

Trụ sở chính: Tòa nhà SCETPA, 19A Cộng Hòa,
quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
Head office: SCETPA Building, 19A Cong Hoa,
Tan Binh District, Ho Chi Minh City
Tel: +84 28 6292 5250 | Fax: +84 28 6292 5250
Website: www.mimico.com.vn
Email: kinhdoanh@mimico.com.vn

CHI NHÁNH – BRANCH

Chi nhánh: Tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, p.Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
Branch: 169 Building Nguyen Ngoc Vu, Trung Hoa Ward, Cau Giay District, Hanoi City
Tel: +84 24 3232 2639
Nhà máy: KCN Bắc Phú Cát, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
Factory: IZ Bac Phu Cat, Thạch Hoa, commune, Thạch That District, Hanoi City